

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Quốc Tiến.
- Bà Nguyễn Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị O, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17/6/2024, chị Nguyễn Thị O là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, chị O và anh T được gia đình tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2016.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau thì chị O nhận thấy vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

giữa vợ chồng luôn có khoảng cách, thường xuyên cự cãi nên hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/4/2013 và Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 31/01/2016. Hiện con chung Nguyễn Minh T1 đang sống với anh T, con chung Nguyễn Thị Kiều M đang sống với chị O.

Khi ly hôn, chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kiều M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị O đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T1, chị O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị O và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Sau thời gian tìm hiểu thì chị O và anh T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2016 ngày 17/6/2016. Hôn nhân giữa chị O và anh T là tự nguyện và hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo chị O trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, giữa vợ chồng luôn có khoảng cách, đã không chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay nên hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chị O yêu cầu được ly hôn với anh T. Về phía anh T là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết nội dung vụ án nhưng không phản đối, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị O. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để vợ chồng có cơ hội hòa giải, hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T là đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo



dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **O** đối với anh **T**.

[4] Về nuôi con: Căn cứ vào lời trình bày của chị **O** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị **O** và anh **T** có 02 con chung là **Nguyễn Minh T1**, sinh ngày 11/4/2013 và **Nguyễn Thị Kiều M**, sinh ngày 31/01/2016. Hiện con chung **Nguyễn Minh T1** do anh **T** nuôi dưỡng, con chung **Nguyễn Thị Kiều M** do chị **O** nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị **O** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Kiều M**, đồng ý giao cháu **Minh T1** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu **Minh T1** đang sống với anh **T**, cháu **Kiều M** đang sống với chị **O** ổn định. Đồng thời, tại Văn bản ý kiến ngày 17/6/2024, cháu **Minh T1** có nguyện vọng sống với anh **T**, cháu **Kiều M** có nguyện vọng sống với chị **O**. Do đó, việc chị **O** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Kiều M**, đồng ý để anh **T** được nuôi dưỡng cháu **Minh T1** theo nguyện vọng của cháu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Trường hợp được tiếp tục nuôi cháu **Kiều M**, chị **O** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Đối với anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Minh T1** nhưng chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp chị **O** và anh **T** có yêu cầu về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị **O** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **O** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **O** đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 8, 9, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị O** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về nuôi con: Chị **Nguyễn Thị O** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Thị Kiều M**, sinh ngày 31/01/2016. Anh **Nguyễn Văn T** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Minh T1**, sinh ngày 11/4/2013. Chị **Nguyễn Thị O** và anh **Nguyễn Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Nguyễn Thị O** và anh **Nguyễn Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008611 ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CCTHADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Phương Thảo**